

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23/02/2021.

Về việc: “*Ly hôn, trả chấp nuôi con*”

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Linh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Phạm Đức Minh**.

2. Bà: **Lê Thị Sáu**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc “*Ly hôn, trả chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T có tình yêu nhau được 01 năm thì kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/2007. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông T.

\* Về con chung: Bà A trình bày vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Phạm T Trúc, sinh ngày 08/5/2008; Nguyễn Trọng Khôi Nguyên, sinh ngày 02/9/2010. Ly

hôn bà A có nguyện vọng nhận nuôi cháu Trúc, đồng ý giao cháu Nguyên cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

#### **Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông T trình bày:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận bà A trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng là do bà A bỏ nhà theo người đàn ông khác, vợ chồng đã ly thân, phần ai nấy sống, ông không còn tình cảm gì với bà A nên đồng ý ly hôn.

\* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà A trình bày, ly hôn ông có nguyện vọng nuôi cả 02 con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà A và ông T được ly hôn với nhau; giao cháu Trúc cho bà A nuôi dưỡng, giao cháu Nguyên cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và buộc bà A phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**1. Về tố tụng:** Bà A có đơn đề nghị vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

#### **2. Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 06/01/2007; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của bà A và ông T là hợp pháp. Bà A yêu cầu ly hôn được ông T đồng ý và không có động thái níu kéo nào; mặt khác ông T còn cho rằng bà A ngoại tình và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Điều này cho thấy hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà A, xử cho bà A và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Theo trình bày của ông T thì từ tháng 12/2020 đến nay cháu Trúc đã về sống với bà A, nguyện vọng của cháu cũng muốn được ở với mẹ. Đối với cháu

Nguyên thì đang sống cùng ông T và có nguyện vọng ở với bố. Để không làm xáo trộn nơi ở và môi trường sống, học tập của các con nên cần giao cháu Trúc cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Nguyên cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà A phải chịu án phí ly hôn, theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc A về việc “*Ly hôn, trả chấp nuôi con*” với ông Nguyễn Trọng T, xử cho bà Phạm Ngọc A và ông Nguyễn Trọng T được ly hôn với nhau.

**2. Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Phạm T Trúc, sinh ngày 08/5/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; Giao cháu Nguyễn Trọng Khôi Nguyên, sinh ngày 02/9/2010 cho ông T nuôi dưỡng; bà A và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

*“Việc Ty đổi người trực tiếp nuôi con và Ty đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”*

**3. Về án phí:** Buộc bà Phạm Ngọc A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004632 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Bà A đã nộp xong).

**4. Về quyền kháng cáo:** Bà A, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng <sup>(2)</sup>
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- CC.TDS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn Lộc Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Minh**

**Lê Thị Sáu**

**Nguyễn Văn Linh**

